

BỘ QUỐC PHÒNG-BỘ
KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ
Số: 192/2006/TTLT/BQP-
BKHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 19/2002/NĐ-CP

ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Chính phủ về Huy động tiềm lực

khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ Quốc phòng

Căn cứ Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng; sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ (tại Công văn số 3639/BNV-VP ngày 14 tháng 12 năm 2005), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Công văn số 9042/BKH-QPAN ngày 29 tháng 12 năm 2005), Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam (tại Công văn số 1279/KHCNVN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2005), Bộ Tài chính (tại Công văn số 7802/BTC-VI ngày 23 tháng 6 năm 2006), Liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng

Tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng là khả năng về khoa học và công nghệ có thể huy động để giải quyết những nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của quốc phòng, bao gồm:

- Tổ chức khoa học và công nghệ: tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các trường đại học, học viện, trường cao đẳng; tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; các tổ chức khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp khoa học và công nghệ của Nhà nước.
- Cán bộ khoa học và công nghệ gồm những người trực tiếp tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ, vào quá trình tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ.

- c) Tài chính gồm các khoản đầu tư bằng tiền cho hoạt động khoa học và công nghệ.
- d) Cơ sở vật chất bảo đảm cho hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm toàn bộ nhà xưởng, trang thiết bị máy móc, nguyên vật liệu, phụ liệu, phòng thí nghiệm, thư viện khoa học,... phục vụ cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- e) Thông tin khoa học và công nghệ là các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức khoa học và công nghệ (bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn).

2. Đối tượng, phạm vi, thời gian, chế độ và chính sách đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được huy động phục vụ quốc phòng

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 01 năm 2005 của Liên bộ Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nội dung và phương thức huy động

Nội dung và phương thức huy động tiềm lực khoa học và công nghệ Nhà nước phục vụ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại các điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 của Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng.

2. Xây dựng kế hoạch huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng (sau đây viết tắt là kế hoạch huy động) thường xuyên

a) Căn cứ xây dựng kế hoạch huy động

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước,
- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Quân sự và Quốc phòng,
- Chiến lược trang bị của Quân đội nhân dân Việt Nam.

b) Trình tự xây dựng kế hoạch huy động thực hiện theo các khoản 1, 2, 3 Điều 14 của Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng.

3. Xây dựng kế hoạch huy động trường hợp đột xuất

a) Các trường hợp sau đây được coi là trường hợp đột xuất:

Khi có thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm mà Nhà nước và Chính phủ giao cho Bộ Quốc phòng xử lý hoặc tình huống khẩn cấp liên quan đến quốc phòng, chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, nhưng cần thiết phải huy động để hạn chế và khắc phục hậu quả.

b) Khi có trường hợp đột xuất xảy ra, căn cứ vào nhu cầu cụ thể, Bộ Quốc phòng lập kế hoạch huy động theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng; thông báo tới các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước có liên quan về kế hoạch huy động.

4. Nội dung kế hoạch huy động bao gồm

- a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần huy động
- b) Tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, thông tin khoa học và công nghệ cần huy động;
- c) Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp Nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản) thực hiện nhiệm vụ huy động;
- d) Thời gian và tiến độ huy động;
- e) Điều kiện bảo đảm cho kế hoạch huy động;
- g) Kết quả huy động;
- h) Thời gian, địa điểm, phương thức bàn giao kết quả cho Bộ Quốc phòng.

5. Phê duyệt kế hoạch huy động

Thực hiện theo Điều 15 của Nghị định số 19/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng và theo các quy định sau đây:

- a) Kế hoạch huy động thường xuyên 5 năm, hàng năm trong kế hoạch chung về khoa học và công nghệ được phê duyệt cùng với kế hoạch 5 năm, hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước;
- b) Sau khi kế hoạch huy động được phê duyệt, Bộ Quốc phòng thông báo kế hoạch huy động cho cơ quan chủ quản và các cơ quan khác có liên quan.